TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : **129**/ 2021 /DS-PT
Ngày: 28/ 4/ 2021

V/v "*Tranh chấp chia di sản thừa kế là QSD đất và tháo dỡ tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông: Mai Xuân Thành

Các thẩm phán: Ông: Võ Ngọc Thông

Ông: Nguyễn Văn Tiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 108 /2021 /TLPT - DS ngày 07 tháng 01 năm 2021 về việc "*Tranh chấp chia di sản thừa kế là QSD đất và tháo dỡ tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DS-ST ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Phạm Thị T - sinh năm 1925

2. Bà Nguyễn Thị X - sinh năm 1969 (chết tháng 5/2019)

Trú tại: Xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị T: Ông Trịnh Văn H, sinh năm 1990.

Cư trú tại thôn X1, xã B, huyện B1, tỉnh Quảng Ngãi (theo giấy ủy quyền ngày 27/5/2019).Có Mặt.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn bà Nguyễn Thị X: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1925

Cư trú tại: Xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Phạm Thị T: Ông Nguyễn Trần Đ – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (theo quyết định về việc cử trợ giúp viên pháp lý tham gia tố tụng số 89/QĐ-TGPL ngày 19/4/2019). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn R - sinh năm 1945,vắng mặt.

2. Ông Nguyễn H1 - sinh năm 1959, có mặt.

Trú tại: Xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1: Chị Phạm Thị Như Y – sinh năm 1974, trú tại: Xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn L - sinh năm 1964, có mặt.

2. Ông Nguyễn H2 - sinh năm 1956, vắng mặt.

3. Ông Nguyễn T3 - sinh năm 1966, có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Đ1 - sinh năm 1972, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Đ1: Ông Nguyễn Văn L, trú tại: Xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền 29/7/2019).

5. Bà Nguyễn Thị H3 - sinh năm 1949 vắng mặt.

6. Chị Nguyễn Thị D2- sinh năm 1972, vắng mặt.

7. Chị Nguyễn Thị Thiên H – sinh năm 1982, vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Trung H4– sinh năm 1974, vắng mặt.

9. Chị Nguyễn Thị Thiên Ng – sinh năm 1975, vắng mặt.

10. Chị Phạm Thị Như Y– sinh năm 1974, có mặt.

11. Anh Nguyễn Trung Đ2– sinh năm 1999, vắng mặt.

12. Bà Phạm Thị Ch - sinh năm 1960, vắng mặt.

13. Anh Nguyễn Trung K - sinh năm 1987, vắng mặt.

14.Chị Nguyễn Thị Thúy A - sinh năm 1993, vắng mặt.

Cùng trú tại: Xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

15. Ông Nguyễn D1 – sinh năm 1953, vắng mặt.

Cư trú tại: Thôn ĐL, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị D2, chị Nguyễn Thị Thiên H, anh Nguyễn Trung H4, chị Nguyễn Thị Thiên Ng, anh Nguyễn Trung Đ2, bà Phạm Thị Ch, anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị Thúy A, ông Nguyễn D1: Chị Phạm Thị Như Y, trú tại: Xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo các văn bản ủy quyền ngày 30/5/2019, 31/5/2019, 30/6/2019).

16. Ủy ban nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

Địa chỉ: 48 đường H5, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố Q: Ông Nguyễn Anh K1, chức vụ: Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Q (theo Quyết định số 6256/QĐ-UBND ngày 27/9/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Q). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

17. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số 163 đường H5, phường T4, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi:*Ông Phạm Văn B2, chức vụ:Phó Giám đốc Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Quảng Ngãi - Chi nhánh thành phố Q (theo Quyết định số 378/QĐ-STNMT ngày 22/10/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi). Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện, các đơn khởi kiện bổ sung;biên bản làm việc ngày 08/4/2019, bản trình bày ý kiến ngày 28/6/2019, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị T là ông Trịnh Văn H trình bày:

Cha mẹ chồng bà T là cụ ông Nguyễn C1 (chết năm 1971) và cụ bà Nguyễn Thị C2 (chết năm 1952) sinh được 3 người con là ông Nguyễn B3 (chết năm 1982), ông Nguyễn Th (chết năm 2013) và ông Nguyễn Th1 đã hy sinh trong kháng chiến chống Pháp năm 1948. Cụ C1 và cụ C2 không có người con nào khác. Ông Nguyễn B3 có vợ là bà Trần Thị L1 và con là các ông Nguyễn R, Nguyễn D1

và Nguyễn H1. Ông Nguyễn Th có vợ là bà Phạm Thị T và con là các ông bà Nguyễn H2, Nguyễn Văn L, Nguyễn T3, Nguyễn Thị Đ1 và Nguyễn Thị X (chết năm 2019). Ông Nguyễn Th1 chết không có vợ con. Ông Nguyễn B3 và ông Nguyễn Th có vợ và những người con nêu trên ngoài ra không có vợ hay người con nào khác kể cả con nuôi. Ông Nguyễn R có vợ là bà Nguyễn Thị H3 và các con là các anh chị Nguyễn Thị D2, Nguyễn Trung H4, Nguyễn Thị H và Nguyễn Thị Năm. Ông Nguyễn H1 có vợ là bà Nguyễn Thị Ch1 và có con là anh Nguyễn K và chị Nguyễn Thị A. Ông Nguyễn Trung H4 có vợ là Phạm Thị Như Y và con là cháu Nguyễn Trung Đ2.

Nguyên trước cụ C1, cụ C2 tạo lập được mảnh vườn, nay là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 668 m^2 thuộc xóm 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (thửa 67), có giới cận: Phía Đông giáp đất ông Lê Diễn; phía Tây giáp đất bà Nguyễn Thị Sương; phía Nam giáp đê bao sông Trà Khúc và giáp đất bà Lan; phía Bắc giáp đường bê tông nông thôn. Căn cứ bản đồ 64/CP là thửa 67 tương ứng qua bản đồ 299/TTg là thửa đất số 576, tờ bản đồ số 12, diện tích 506m^2, loại đất T (thửa 576). Theo sổ mục kê thửa 576 tại trang số 14, quyển số 02, chủ sử dụng đất ghi tên bà Trần Thị L1. Theo sổ đăng ký ruộng đất (5b) thửa 576 tại trang 91, quyển số 01 thứ tự 424 do bà Trần Thị L1 đứng tên kê khai theo Chỉ thị 299/TTg. Thửa đất nêu trên cụ C1, cụ C2 đã xây dựng nhà ở từ trước năm 1945, khi cụ C2, cụ C1 đã lập gia đình cho các con và cho các người con làm nhà ở cụ thể: Vào năm 1954, ông Nguyễn Th (chồng bà T là cha bà X) lập gia đình thì lúc này được cụ C1 cụ C2 cho đất trong vườn để làm nhà ở riêng và cũng trong năm 1954 ông Th xây dựng nhà tranh vách đất để ở, tại đâyông Th bà T đã sinh bà X và các anh chị em của bà. Việc cụ C1 cụ C2 cho đất là cho bằng lời nói không có giấy tờ gì.Đến năm 1975, ông Nguyễn Th mua thêm một mảnh vườn khác cùng xã và làm nhà ở riêng cho đến nay.

Sau khi ông Th, bà T và các anh chị em bà X dọn ra ở riêng thì lúc này chỉ còn lại gia đình ông Nguyễn B3 ở trên ngôi nhà cấp 4 của cụ C1, cụ C2 để lại và quản lý sử dụng thửa đất và ngôi nhà này. Thực hiện Chỉ thị 299/TTg, vợ của ông Nguyễn B3 là bà Trần Thị L1 tự ý đi kê khai thửa 67 theo sổ mục kê và sổ đăng ký ruộng đất trên. Vào năm 1994 ông Nguyễn Th về lại thửa 67 để xây dựng 01 ngôi nhà diện tích 18m^2 chiều ngang 3m, chiều dài 6m cho bà Nguyễn Thị X sử dụng làm nơi ở và buôn bán sống qua ngày cho đến nay. Sau đó ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1 tự ý phân chia thửa 67 của cụ C2, cụ C1 để lại. Trong đó ông Nguyễn R quản lý sử dụng diện tích 568m^2, ông Nguyễn H1 quản lý sử dụng diện tích 100m^2.

Năm 1995 ông Nguyễn R và ông Nguyễn H1 tự ý đi lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Nguyễn R được UBND huyện S1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 67 diện tích 356m^2 (diện tích thực tế 568m^2) đứng tên hộ ông Nguyễn R. Ông Nguyễn H1 được UBND huyện S1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 67 diện tích 100m^2.Trong phần đất thửa 67 hộ ông Nguyễn R kê khai và được cấp giấy bao gồm ngôi nhà và diện tích đất của ông Nguyễn Th xây dựng năm 1994.

Năm 2008 ông Nguyễn R khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện S1 yêu cầu bà Nguyễn Thị X tháo dỡ ngôi nhà của ông Nguyễn Th xây dựng để trả lại đất cho gia đình ông Nguyễn R. Theo bản án sơ thẩm 20/2009/DS-ST ngày 26/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện S1 buộc bà X tháo dỡ quán tại thửa 67 để trả lại đất cho ông Nguyễn R. Sau đó bà Nguyễn Thị X và ông Nguyễn Th có làm đơn kháng cáo. Bản án phúc thẩm số 62/2009/DS-PT ngày 24/9/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi quyết định hủy bản án sơ thẩm 20/2009/DS-ST ngày 26/3/2009 của Tòa án nhân dân huyện S1 và giao lại hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện S1 giải quyết. Do nguyên đơn và bị đơn không tiếp tục tham gia tố tụng vụ án. Đến ngày 12/11/2012 TAND huyện S1 đã ra Quyết định đình chỉ số 88/2012/QĐST-DS về việc đình chỉ giải quyết vụ án.

Việc anh em ông Nguyễn R, Nguyễn H1 tự ý đi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ C1 cụ C2 là xâm phạm đến quyền lợi của ông Nguyễn Th và vợ con ông Th vì toàn bộ diện tích thửa 67, diện tích 668m^2 là di sản của cụ C1, cụ C2 thừa kế cho ông Nguyễn Th ông Nguyễn B3. Ngoài ra cụ C1, cụ C2 cũng không có di chúc hay một giấy tờ nào để lại cho ông R và ông H1. Tại thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn R thì trên thửa đất có ngôi nhà của bà X đang ở do ông Nguyễn Th xây dựng là xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của bà T, bà X và các anh chị em của bà.

Kể từ khi cụ C1, cụ C2 chết cho đến nay ông Nguyễn Th chưa yêu cầu chia di sản của cụ C1 cụ C2 để lại là thửa đất 67. Tuy nhiên, hiện nay ông Nguyễn Th đã chết nên bà T, bà X và các ông L, H2, Tuân, bà Đ1 là người thừa kế thế vị của ông Th nên các ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết chia di sản thửa thừa kế của cụ C1, cụ C2 để lại là thửa 67, diện tích 668m^2 theo pháp luật.

Hiện nay trên thửa 67 có 01 ngôi nhà cấp 4 do gia đình ông Nguyễn H1 đang quản lý sử dụng diện tích khoảng 100m^2, 01 ngôi nhà cấp 4 do gia đình ông Nguyễn R đang quản lý sử dụng diện tích khoảng 100m^2, 01 ngôi nhà cấp 4 do bà Nguyễn Thị X đang quản lý sử dụng diện tích khoảng 18m^2 và01 ngôi nhà cấp 3 do gia đình anh Nguyễn Trung H4 đang quản lý sử dụng diện tích khoảng 100m^2.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn C1 và cụ Nguyễn Thị C2 để lại là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 diện tích 668m^2 làm 02 phần: Nguyễn Th diện tích 334m^2 và Nguyễn B3 diện tích 334m^2.

Ông Nguyễn Th chết, người thừa kế của ông Nguyễn Th gồm: Bà Phạm Thị T và các con ông Nguyễn H2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn T3, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Nguyễn Thị X.

Ông Nguyễn B3 chết, người thừa kế của ông B3 gồm: bà Trần Thị L1 và các con Nguyễn R, Nguyễn H1, Nguyễn D1.

2. Đối với diện tích xây dựng nhà trên đất yêu cầu Tòa án buộc những người xây dựng nhà trên đất phải tự nguyện tháo dỡ.

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14,diện tích 100m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn H1 năm 1995.

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14,diện tích 356m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn R năm 1995.

5. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27 , diện tích 269m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Nguyễn H1 ngày 30/12/2017.

Tại phiên hòa giải ngày 29/7/2020 nguyên đơn thống nhất tại cạnh phía Đông của thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, xã T2 và cạnh phía Tây thửa đất số 733 tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 1996), xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có 01 con đường đi công cộng. Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định con đường đi này có chiều ngang 1,5 m và chiều dài đúng theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 733, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 1996), xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố Q ngày 05/6/2015. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh chấp phần diện tích có con đường đi và xác định con đường đi này là đường đi nông thôn.

Tại các bản tự khai đề ngày 02/6/2019, ngày 09/6/2019, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn H1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là chị Phạm Thị Như Y trình bày:

Về quan hệ huyết thống của cố Nguyễn Thị C2, cố Nguyễn C1 ông Nguyễn R, ông H1 thống nhất như phần trình bày của nguyên đơn.

Về nguồn gốc thửa đất số 576, tờ bản đồ số 12, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay được biến động thành 02 thửa đất gồm: Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27 thuộc xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi) có nguồn gốc do ông bà nội là cố Nguyễn C1 (chết 1971) và cố Nguyễn Thị C2 (chết 1952) tạo lập. Năm 1943, cụ B3 cưới vợ là cụ L1 về chung sống với nhau đã xây dựng nhà ở trên đất này. Ban đầu, cha mẹ ông chỉ xây dựng nhà tranh vách đất.Khi còn sống cố C1, cố C2 ở với với ông Nguyễn B3 và bà Trần Thị L1.Do nhà tranh vách đất nên sữa chữa rất nhiều lần. Năm 1970 ông R lập gia đình đã sửa chữa lại nhà rộng hơn nhưng cũng nhà tranh vách đất. Năm 1975 nhà hư hỏng hoàn toàn nên cụ Trần Thị L1 và ông Nguyễn R làm lại nhà mới tường xây bằng gạch lợp ngói nhưng không tôvà sử dụng ổn định mãi cho đến khi mẹ ông là cụ L1 chết năm 1982 thì để lại cho anh em ông. Ngoài diện tích đất làm nhà, phần đất còn lại trồng chuối, hoa màu, không có ai tranh chấp từ trước năm 1975 cho đến nay.

Khi thực hiện thực hiện Chỉ thị 299/TTg thống nhất việc đăng ký để quản lý đất trong cả nước thì mẹ ông R là người đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất đối với mảnh đất này, lúc đó là thửa đất số 576, tờ bản đồ số 12, diện tích 506m^2, thôn T1, xã T2, huyện S1, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1994, cô Nguyễn Thị X là con gái của chú Nguyễn Th, cô X không có chồng, con, hoàn cảnh khó khăn, hàng ngày gánh chè, xu xoa đi bán rong trong thôn xóm. Thương hoàn cảnh của bà X, vợ chồng ông R đồng ý cho bà X mượn đất che tạm quản nhỏ khoản 18m^2 (nhà chỉ có chỉ xây 2 vách 2 bên và lợp ngói, vách sau của quán dựa vào tường nhà của chị Y anh H4) làm chỗ buôn bán kiếm sống qua ngày. Lúc làm quán ông Nguyễn Th là cha của bà X có ra phụ giúp và có thỏa thuận miệng với nhau là khi nào ông Rlàm nhà thì báo trước 01 tháng để cô X tháo dỡ quán trả lại đất cho gia đình.Năm 1995 thực hiện Nghị định 64, người dân phải đi đăng ký lại ruộng đất thì ông R và ông Nguyễn H1 đi kê khai đăng ký vì lúc đó mẹ ông già yếu nên mẹ ông để hết đất cho anh em ông, lúc anh em ông đi kê khai đăng ký ông Th và vợ con ông Th ở cùng địa phương đều biết nhưng không có ý kiến gì. Đến Năm 1996 ông và em Nguyễn H1 được UBND huyện S1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2004 gia đình ông có nhu cầu làm lại nhà, ông R có báo với bà X để bà X tháo dỡ trả lại đất để ông làm nhà thì bà X viện lý do khó khăn không chịu tháo dỡ. Gia đình ông và và gia đình ông Th gởi đơn đến xã yêu cầu giải quyết, UBND xã cũng đã ra kết luận kèm theo quyết định số 25/TB-UB ngày 11/8/2004. Xét thấy việc không tháo dỡ lều quán của cô X ảnh hưởng đến quyền lợi của gia đình ông nên ông đã gửi

đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện S1, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X phải tháo dỡ quán, trả lại đất cho gia đình ông R, không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân huyện S1, bà X kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, ngày 24/9/2009 TAND tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm quyết định hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng cấp sơ thẩm chưa làm rõ nguồn gốc thửa đất và cần xem lại đất này có phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn C1 và bà Nguyễn Thị C2 để lại hay không? Quá trình giải quyết vụ án không đưa những người liên quan vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan làm ảnh hưởng đến quyền lợi của họ. Tuy nhiên, trong quá trình chờ đợi sự xem xét giải quyết của Tòa án quá lâu mà nhà ông Rxuống cấp nghiêm trọng nên ông đã tháo dỡ nhà cũ (ông tháo dỡ vách tường ở sau lưng quán thì bà X chỉ che tạm bợ bằng tấm bạc) và xây dựng nhà mới khoảng 100m^2, đồng thời ông cho con trai ông là Nguyễn Trung H4 xây dựng nhà riêng khoảng 100m^2 sát cạnh nhà bà X. Sau khi xây dựng nhà xong ông bị tai biến mạch máu não, đi lại khó khăn nên ông đã làm đơn rút đơn khởi kiện, khi nào ông khỏe sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết lại nhưng từ năm 2009 đến nay sức khỏe của ông ngày càng yếu hơn nên ông chưa thể yêu cầu khởi kiện lại.

Hiện nay, thửa đất số 576, tờ bản đồ số 12, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (theo hồ sơ đăng ký 299) được biến động thành 02 thửa gồm thửa đất số 67 tờ bản đồ số 14 do ông R quản lý đứng tên chủ sử dụng đất, trên đất này có một căn nhà cấp 4A do vợ chồng ông xây dựng và một căn nhà cấp 3a do vợ chồng con trai ông là Nguyễn Trung H4 và con dâu là Phạm Thị Như Y xây dựng, bên cạnh nhà ông còn cái quán khoản 18m^2 do bà X xây dựng năm 1997 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do ông Nguyễn H1 đăng ký kê khai.

Cha mẹ các ông đã sử dụng ổn định và làm nhà ở từ năm 1943 đến nay, qua nhiều biến cố và trải qua 02 cuộc chiến tranh khốc liệt, gia đình ông đã nhiều lần sửa chữa nhà ở và xây dựng nhà ở mới, đã kê khai đăng ký nộp thuế cho Nhà nước đầy đủ. Nên không còn là di sản thừa kế của cụ C1, cụ C2 thì không có lý do gì mà đem chia cho người khác. Yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn là hoàn toàn không có cơ sở, vì vậy ông yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa ông Nguyễn H1 và chị Phạm Thị Như Y trình bày: Năm 1994 cụ Trần Thị L1 và ông Nguyễn R cho bà X mượn đất dựng quán lần đầu tiên ở phía Tây- Bắc thửa đất số 67 (nay là thửa đất số 137 của ông Nguyễn H1). Trong quá trình mua bán bà X gây ồn ào ảnh hưởng đến việc học tập của các con ông H1. Do đó, năm 1995 ông H1 yêu cầu bà X tháo dỡ liều quán chuyển đi nơi khác thì bà X

xin ông R cho chuyển quán xuống phần đất của ông R đang quản lý, ông R đồng ý tiếp tục cho bà X mượn đất để di chuyển liều quán xuống phía đông Tha đất số 67 (sát đường bê tông). Đến năm 1997 ông R có nhu cầu làm thêm nhà ngang thì bà X tiếp tục di chuyển quán xuống cuối thửa đất số 67 như hiện nay.Việc bị đơn cho bà X làm quán tạm bợ để buôn bán mưu sinh là vì thương cho hoàn cảnh của bà X không có chồng con, anh chị em ruột thì không nương tựa được nên ông mới tạo điều kiện, naybà X đã chết thì ông sẽ tiến hành tháo dỡ nhà. Tuy nhiên vì việc đã khởi kiện đến Tòa án thì gia đình ông tôn trọng pháp luật, không tự tháo dỡ quán của cô X mà yêu cầu tòa án giải quyết yêu cầu phản tố:

Buộc bà Phạm Thị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị X phải tháo dỡ quán diện tích khoản 17,1m^2 trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có giới cận:

+ Phía Đông giáp đất ông Nguyễn R;

+ Phía tây giáp nhà ông Nguyễn Trung H4;

+ Phía Nam giáp nhà ông Nguyễn Trung H4;

+ Phía Bắc giáp đường bê tông nông thôn.

Bị đơn thống nhất tại cạnh phía Đông của thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, xã T2 và cạnh phía Tây thửa đất số 733 tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 1996), xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi có 01 con đường đi. Nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xác định con đường đi này có chiều ngang 1,5 m và chiều dài đúng theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 733, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 1996), xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố Q ngày 05/6/2015. Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh chấp phần diện tích có con đường đi và xác định con đường đi này là đường đi nông thôn.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3, chị Nguyễn Thị D2, chị Nguyễn Thị Thiên H, anh Nguyễn Trung H4, chị Nguyễn Thị Thiên Ng, anh Nguyễn Trung Đ2, bà Phạm Thị Ch, anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị Thúy A, ông Nguyễn D1 làchị Phạm Thị Như Y thống nhất với lời trình bày của bị đơn không có ý kiến bổ sung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn H2 và ông Nguyễn T3 trình bày:

Tại đơn khởi kiện mẹ các ông bà Phạm Thị T xác định:Cụ Trần Thị L1 là vợ cụ Nguyễn B3 còn sống. Nay các ông xác định cụ Trần Thị L1 đã chết năm 2000.

Ông Nguyễn R có vợ bà Nguyễn Thị H3 có 4 người con là chị Nguyễn Thị D2, chị Nguyễn Thị H, chị Nguyễn Thị Năm, anh Nguyễn Trung H4. Anh H4 có vợ là chị Phạm Thị Như Y và con là Nguyễn Trung Đ2. Do nhầm lẫn giữa tên thường gọi nên các ông xác định lại chị Nguyễn Thị H có họ, tên chính xác là chị Nguyễn Thị Thiên H, chị Nguyễn Thị Năm có họ, tên chính xác là chị Nguyễn Thị Thiên Ng.Ông Nguyễn H1 có vợ bà Nguyễn Thị Ch1 và 02 người con là anh Nguyễn K, chị Nguyễn Thị An. Do nhầm lẫn nên các ông xác định lại bà Nguyễn Thị Ch1 có họ, tên chính xác là bà Phạm Thị Ch, anh Nguyễn K có họ, tên chính xác là anh Nguyễn Trung K, chị Nguyễn Thị An có họ, tên chính xác là chị Nguyễn Thị Thúy A.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, bà Nguyễn Thị X là người khởi kiện đã chết vào ngày 05/5/2019 và cung cấp giấy tử của bà X. Bà X không có chồng, con. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà X gồm có: Cụ Phạm Thị T (mẹ bà X) và các anh chị em của bà X gồm có: Ông Nguyễn H2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn T3 và bà Nguyễn Thị Đ1.

Ông bà nội các ông là cố Nguyễn C1 và cố Nguyễn Thị C2 có 03 người con là cụ Nguyễn B3, cụ Nguyễn Th và cụ Nguyễn Th1.Cụ Nguyễn B3 (chết năm 1982) có vợ là cụ Trần Thị L1 (chết) và có 3 người con là ông Nguyễn R, ông Nguyễn D1 và ông Nguyễn H1. Cụ Nguyễn Th (chết năm 2013) có vợ là cụ Phạm Thị T và có 05 người con là ông Nguyễn H2, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn T3, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Đ1. Bà Nguyễn Thị X mới chết ngày 05/5/2019, bà X không có chồng, con. Nguyễn Th1 hy sinh năm 1948 chưa có vợ, con.Ngoài ra các cố, cụ không còn người con nào khác kể cả con ruột và con nuôi.

Về nguồn gốc thửa đất: Sinh thời ông bà nội các ông là cố Nguyễn C1 và cố Nguyễn Thị C2 tạo lập được thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 diện tích 668m^2 tại xã T2, thành phố Q (sau đây viết tắt là thửa đất số 67). Hai cố chết không để lại di chúc, thửa đất số 67 do cụ Nguyễn B3 và cụ Nguyễn Th quản lý, sử dụng. Do mâu thuẫn gia đình giữa hai người con dâu, nên khoảng năm 1976 gia đình cụ Nguyễn Th dọn ra ở riêng tại mảnh đất do cụ Nguyễn Th đã mua trước khi chưa có vợ, khi mua có giấy tờ mua của cha các ông. Đến năm 1994, bà Nguyễn Thị X không có chồng, con, lại bị bệnh nên cha các ông là cụ Nguyễn Th vào bàn bạc với vợ cụ Nguyễn B3 là cụ Trần Thị L1 để cho cụ Th làm một cái nhà nhỏ để bà Nguyễn Thị X ở và buôn bán. Gia đình cụ Trần Thị L1 không ai có ý kiến và đều thống nhất

cho cụ Th làm nhà để bà X quản lý, sử dụng.Bà Nguyễn Thị X xây dựng ngôi nhà nhỏ và quản lý, sử dụng diện tích khoảng 30m^2 thuộc thửa đất số 67 do ông bà nội để lại từ năm 1994. Bà X cũng có công sức bảo quản, tôn tạo diện tích đất này nên yêu cầu Tòa án xem xét.

Hiện nay, trên thửa đất số 67 có gia đình ông Nguyễn R, gia đình ông Nguyễn H1 đang sinh sống và ngôi nhà của bà X. Diện tích đất trống còn lại khoảng 200m$^{2.}$

Tuy nhiên trong quá trình quản lý sử dụng diện tích còn lại của thửa đất số 67, con của cụ Nguyễn B3 và cụ Trần Thị L1 là ông Nguyễn H1 và ông Nguyễn R đã tự ý kê khai và đã được Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn H1 và hộ ông Nguyễn R vào năm 1995 khi chưa có sự đồng ý của vợ và các con của cụ Nguyễn Th.Hiện nay thửa đất số 67 đã được tách thành thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 diện tích 100m^2 tại xã T2, thành phố Q Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q) cấp cho hộ ông Nguyễn H1 vào năm 1995 và thành thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 diện tích 356m^2 tại xã T2, thành phố Q Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q) cấp cho hộ ông Nguyễn R vào năm 1995. Diện tích đất còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Các ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của mẹ các ông là bà Phạm Thị T và với tư cách là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị X các ông vẫn thống nhất tiếp tục khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết theo như đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị X là em của các ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thành phố Q trình bày:

Đối chiếu bản đồ đo vẽ 1996 là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 1064m^2, loại đất T. Tương ứng qua bản đồ 299/TTg là thửa đất số 576, tờ bản đồ số 12, diện tích 506m^2, loại đất T và thửa đất số 583, tờ bản đồ số 12, diện tích 653m^2, loại đất T. Thửa 576 theo sổ mục kê diện tích 506m^2 LRĐ(loại ruộng đất): T trang số 14, quyển số 2, chủ sử dụng đất ghi tên Trần Thị L1.Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b).Thửa 583 theo sổ mục kê diện tích 653m^{2}LRĐ(loại ruộng đất): T trang số 14, quyển số 2, chủ sử dụng đất ghi tên Nguyễn Lợi. Sổ đăng ký ruộng đất (mẫu 5b). Đối chiếu bản đồ do vẽ năm 2016 là thửa đất số 135, tờ bản đồ số 27, diện tích 98,3m^2, loại đất ONT; thửa đất số 136, tờ bản đồ số 27, diện tích 177,7m^2,loại đất ONT; thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, diện tích 269m^2,loại đất ONT; thửa đất số 177, tờ bản đồ số 27, diện tích 219,4m^2,loại đất ONT. Năm 1995 được UBND huyện S1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn R, thửa đất

số 239, tờ bản đồ số 12, diện tích 464m^2, loại đất 3L; thửa đất 586, tờ bản đồ số 12, diện tích 612m^2, loại đất 3L; thửa đất số 697, tờ bản đồ số 12, diện tích 173m^2,loại đất 3L; thửa đất 698, tờ bản đồ số 12 diện tích 395m^2, loại đất 3L; thửa đất số 842, tờ bản đồ số 12, diện tích 915m^{2}loại đất màu và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^2, loại đất T, cùng địa chỉ thửa đất xã T2, thành phố Q. (Qua kiểm tra hồ sơ lưu trữ cấp giấy chứng nhận năm 1995 chỉ có đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất có photo kèm theo). Qua kiểm tra, hiện nay hộ ông Nguyễn R có kê khai theo dự án đo đạc 20 xã, phường nhưng không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đang tranh chấp với bà Nguyễn Thị X đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^2, loại đất T, xã T2 nên không có cơ sở để cung cấp cho Tòa án tỉnh Quảng Ngãi.

Phần diện tích chênh lệch khi đo đạc thực tế căn cứ khoản 5 Điều 98 Luật đất đai năm 2013 quy định: "5. Trường hợp có sự chênh lệch diện tích giữa số liệu đo đạc thực tế với số liệu ghi trên giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật này hoặc Giấy chứng nhận đã cấp mà ranh giới thửa đất đang sử dụng không thay đổi so với ranh giới thửa đất tại thời điểm có giấy tờ về quyền sử dụng đất, không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì khi cấp hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất diện tích đất được xác định theo số liệu đo đạc thực tế. Người sử dụng đất không phải nộp tiền sử dụng đất đối với phần diện tích chênh lệch nhiều hơn nếu có".

Với quy định trên diện tích đo đạc thực tế chênh lệch so với bản đồ đo vẽ năm 2000, nếu không có tranh chấp với những người sử dụng đất liền kề thì vẫn được công nhận cho người đang sử dụng.

Với nội dung nêu trên tại bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DSST ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 228, Điều 271Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị X về việc:

- Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn C1, cụ Nguyễn Thị C2 là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^2 (đo đạc thực tế là 432,3m^2) và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, diện tích 269m^2 (đo đạc thực tế là 258,4m^2) trừ đi phần diện tích

con đường đi có chiều ngang 1,5m và chiều dài đúng theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 733, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 1996), xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố Q ngày 05/6/2015 cho những người thừa kế của cụ Nguyễn C1 và cụ Nguyễn Thị C2 làông Nguyễn Th và ông Nguyễn B3;

- Buộc ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1 tháo dỡcác căn nhà bị đơn đã xây dựng trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27 xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;

2. Không hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn H1 năm 1995; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn R năm 1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, diện tích 269m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp đổi cho ông Nguyễn H1 ngày 30/12/2017.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1 buộc bà Phạm Thị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị X phải tháo dỡ nhà cấp IV lợp ngói, tường xây gạch chưa tô có diện tích xây dựng 17,1m^2 và mái hiên lợp ngói có diện tích xây dựng 5m^2 trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án)

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020 bà Phạm Thị T các ông Nguyễn T3 ông Nguyễn Văn L kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà Phạm Thị T các ông Nguyễn T3 ông Nguyễn Văn L vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Trong phần phát biểu quan điểm của mình đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị T các ông Nguyễn T3 ông Nguyễn Văn L, giữ nguyên Quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét khách quan, toàn diện và đầy đủ chứng cứ hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Cụ Nguyễn Thị C2 (chết 1952) và cụ Nguyễn C1 (chết 1971) có 3 người con chung là: Ông Nguyễn B3 (chết 1982), ông Nguyễn Th (chết 2013) và ông Nguyễn Th1 (chết 1948). Ông Nguyễn B3 có vợ là bà Trần Thị L1 (chết 2000) có các con gồm: Nguyễn R, Nguyễn D1 và Nguyễn H1.Ông Nguyễn Th có vợ là bà Phạm Thị T và các con: Nguyễn H2, Nguyễn Văn L, Nguyễn T3, Nguyễn Thị X (chết 2019) và Nguyễn Thị Đ1.Ông Nguyễn Th1 chết 1948 không có vợ con.

[2] Nguồn gốc thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^2 (đo đạc thực tế là 432,3m^2) được Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn R ngày 11/11/1996; và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, diện tích 269m^2 (đo đạc thực tế là 258,4m^2) tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn H1 ngày 30/12/2017. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều thừa nhận do cụ C1 và cụ C2 tạo lập khi còn sống. Cụ C1, cụ C2 chết không để lại di chúc, đồng thời 02 cụ cũng không có các loại giấy tờ về đất của chính quyền cũ trước năm 1975, hoặc có một trong các loại giấy tờ về đất theo quy định tại các khoản 1,2 Điều 50 Luật đất đai.Các loại tài sản khác trên đất của 02 cụ cũng không còn, bên nguyên đơn chỉ yêu cầu chia di sản là QSD đất nay đã được cấp cho người khác.

[3] Xét đơn kháng cáo của Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Diện tích đất nêu trên do các cụ C1 cụ C2 khai phá tạo lập nên, tuy nhiên cụ C1 chết năm 1972 và cụ C2 chết năm 1951 khi các cụ còn sống thì các con của các cụ là ông Nguyễn B3 cùng vợ là bà Trần Thị L1 cũng như ông Nguyễn Th và bà Phạm Thị T cùng sinh sống trên diện tích đất trên. Theo hồ sơ địa chính qua các thời kỳ thể hiện tại bản đồ đo vẽ năm 1996 là một phần thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 1.064m^2. Tương ứng qua bản đồ 299/TTg là thửa đất số 576, tờ bản đồ số 12, diện tích 506m^2, loại đất T. Thửa đất số 576 theo sổ mục kê

trang số 14 quyển số 02, chủ sử dụng đất là bà Trần Thị L1 (mẹ ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1) đăng ký kê khai và đứng tên trên sổ mục kê ruộng đất vào năm 1986 (**bl 394- 397**). Theo Nghị định 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ do ông Nguyễn R đăng ký kê khai theo đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/11/1995. Ngày 11/11/1996 ông Nguyễn R được UBND huyện S1 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 67 diện tích 356m^2, mục đích sử dụng T, thời gian lâu dài; ông Nguyễn H1 được UBND huyện S1 cấp giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 67 diện tích 100m^2, mục đích sử dụng T, thời gian lâu dài. Ngày 30/12/2017 ông Nguyễn H1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành thửa 137, tờ bản đồ số 27, khu dân cư số 1, thôn T1, xã T2, thành phố Q, diện tích 269m^2(trong đó đất ở tại nông thôn 100m^2, đất trồng cây hàng năm khác 169m^2). **BL 392**

[3.2] Quá trình quản lý và sử dụng đất thể hiện: Trước năm 1975 ông Th có sống tại thửa đất tranh chấp.Đến năm 1975 ông Th và vợ con chuyển ra ở riêng một thửa đất khác mua của ông Tánh cho đến nay. Đến năm 1994, ông Th quay về thửa đất của cha mẹ là cụ C1, cụ C2 để làm một căn nhà tạm cho bà Nguyễn Thị X buôn bán và sinh sống. Ông Th, bà X, bà T thừa nhận kể từ thời điểm 1975 đến năm 2004 khi xảy ra tranh chấp giữa hai bên thì ông R, ông H1 là người sử dụng, quản lý thửa đất của cụ C1, cụ C2 để lại. Người thực hiện việc đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận lần đầu là ông R và ông H1.Khi bồi thường giải phóng mặt bằng để mở đường ven sông Trà Khúc thì người nhận tiền đền bù về đất cũng là ông Nguyễn R và ông Nguyễn H1.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 03/11/2009 (bút lục 258-259) ông Nguyễn Th, bà Phạm Thị T khai:*"Thưa, do chị dâu tôi là bà Trần Thị L1 quản lý" "Diện tích đất vợ chồng tôi làm quán cho X buôn bán chúng tôi không đi đăng ký quyền sử dụng đất, còn có ai đi đăng ký quyền sử dụng đất không thì tôi không biết".*Tại biên bản hòa giải ngày 13/11/2009 (bút lục 263) ông Nguyễn Th trình bày: *"vào năm 1999 vợ chồng tôi có đến hỏi ý kiến của chị dâu tôi là bà Trần Thị L1 để làm 1 cái quán cho con gái tôi là Nguyễn Thị X."* Tại biên bản hòa giải ngày 03/3/2010 (bút lục 267)ông Nguyễn Th, bà Phạm Thị T trình bày *"Trong quá trình quản lý, sử đụng đất tôi không đăng ký kê khai quyền sử dụng đất nên không có giấy tờ gì".*Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/10/2009 (bút lục 253) bà Nguyễn Thị X trình bày: *"thửa đất do ông Nguyễn R đang quản lý", "từ khi ở đến nay tôi không có đăng ký kê khai gì về đất nên không có giấy tờ gì"*; tại biên bản phiên tòa ngày 26/3/2009 (bút lục 224) khi Thẩm phán chủ tọa phiên tòa hỏi ông Th về việc khi ông R thực hiện đăng ký kê khai để được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử

dụng thửa đất tranh chấp thì tại sao ông Th không khiếu nại, tranh chấp, ông Th trả lời: "*Vì ông R là trưởng nam ở trên đất này nên tôi không khiếu nại mà để cho ông R đăng ký".*Do vậy,bị đơn cung cấp tài liệu là sổ mục kê (bút lục 178)và UBND xã T2 cung cấp thông tin bà Trần Thị L1 là người kê khai và đứng tên chủ sử dụng thửa đất tranh chấp trên bản đồ thực hiện Chỉ thị 299/TTg đo đạc năm 1985 và trong sổ mục kê là đã xác định được quyền sử dụng đất ổn định, hợp pháp của bà Trần Thị L1, ông Nguyễn B3 kể từ thời điểm trước khi thực hiện chính sách đất đai cho đến khi đăng ký kê khai theo Chỉ thị 299/TTg của Chính phủ.

Như vậy: có căn cứ xác định thửa đất số 67 và 137 đã được bị đơn quản lý, sử dụng ổn định không có ai tranh chấp từ trước năm 1975 cho đến nay là có cơ sở.Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn H1 đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2 và ông Nguyễn R đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^{2}tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi;Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, diện tích 269m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp cho ông Nguyễn H1 ngày 30/12/2017là đúng qui định của Luật đất đai 2013. Bản án sơ thẩm không chấp nhận đơn khởi kiện về chia di sản thừa kế của Nguyên đơn là có căn cứ.

[3.3] Vì thửa đất số 67 và thửa đất số 137 đã trở thành tài sản hợp pháp của gia đình ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1. Nên chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, buộc bà Phạm Thị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị X phải tháo dỡ nhà cấp IV lợp ngói tường xây gạch chưa tô có diện tích xây dựng 17,1m^2 và mái hiên lợp ngói có diện tích 5m^2 trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án), căn nhà hiện nay đã quá cũ nát vì không có người ở do bà X đã chết từ năm 2019.

Từ các phân tích và viện dẫn nêu trên xét thấy, tại cấp phúc thẩm không có tình tiết chứng cứ mới nào cần được xem xét do vậy,đơn kháng cáo của Nguyên đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của Nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, tuy nhiên nguyên đơn là người già và có đơn nên được miễm án phí. Các ông Nguyễn T3, ông Nguyễn Văn L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do đơn kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Phạm Thị T, ông Nguyễn T3 ông Nguyễn Văn L giữ nguyên quyết định của bản án dân sự sơ thẩm số: 49/2020/DSST ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều 228, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội; Điều 2 Luật Người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị T và bà Nguyễn Thị X về việc:

- Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn C1, cụ Nguyễn Thị C2 là thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^2 (đo đạc thực tế là 432,3m^2) và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, diện tích 269m^2 (đo đạc thực tế là 258,4m^2) trừ đi phần diện tích con đường đi có chiều ngang 1,5m và chiều dài đúng theo trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 733, tờ bản đồ số 14 (đo vẽ năm 1996), xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi của Văn phòng Đăng ký Đất đai chi nhánh thành phố Q ngày 05/6/2015 cho những người thừa kế của cụ Nguyễn C1 và cụ Nguyễn Thị C2 là ông Nguyễn Th và ông Nguyễn B3;

- Buộc ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1 tháo dỡ các căn nhà bị đơn đã xây dựng trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 và thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27 xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Không hủy các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 100m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn H1 năm 1995; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14, diện tích 356m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Ủy ban nhân dân huyện S1 (nay là thành phố Q), tỉnh Quảng Ngãi cấp cho hộ gia đình ông Nguyễn R năm 1995 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 137, tờ bản đồ số 27, diện tích 269m^2 tại xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi cấp đổi cho ông Nguyễn H1 ngày 30/12/2017.

3. Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn R, ông Nguyễn H1 buộc bà Phạm Thị T là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị X phải tháo dỡ nhà cấp IV lợp ngói, tường xây gạch chưa tô có diện tích xây dựng 17,1m^2 và mái hiên lợp ngói có diện tích xây dựng 5m^2 trên thửa đất số 67, tờ bản đồ số 14 xã T2, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có sơ đồ bản vẽ kèm theo bản án sơ thẩm).

4. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Phạm Thị T. Các ông Nguyễn T3, ông Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0006357 ngày 3/11/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ giám đốc kiểm tra II - TANDTC;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ, Phòng HCTP; HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Mai Xuân Thành